TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 01 - 2021
V/v: Anh Bùi Văn T xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển.

Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hoài, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Thị Kim C**, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký tạm trú: Số XXX/XX, Tổ XXA, Khu phố X, phường H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày***:

Anh và chị Nguyễn Thị Kim C đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 03 năm 2010 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu, đến với nhau là tự nguyện. Sau kết hôn anh chị sống tại Thái Bình đến năm 2014 thì chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà trọ ở và làm công nhân tại đó. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, thời điểm đó anh muốn vợ chồng đưa con về Thái Bình ở nhưng chị C không đồng ý, ngoài ra, anh chị còn không đồng thuận về cách nuôi dạy con, cách đối nhân xử thế với hai bên gia đình, giữa anh chị, ngoại trừ những lúc cãi vã, còn lại hầu như không nói chuyện với nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng, từ cuối năm 2018 anh về Thái Bình ở, chị C và con vẫn ở tại thành phố Hồ Chí Minh, anh chị sống ly thân từ đó đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh xin ly hôn chị C.

Anh và chị Nguyễn Thị Kim C có một con chung là Bùi Chí H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2010, hiện đang ở cùng chị C. Ly hôn, để con ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và theo nguyện vọng của con, anh đề nghị giao con H cho chị C nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng cho con H. Anh sẽ có trách nhiệm với con nhưng đó là việc riêng của anh.

Anh và chị Nguyễn Thị Kim C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, do đó, anh không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Để thuận tiện cho cả hai bên trong quá trình giải quyết vụ án, anh lựa chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình là nơi thụ lý, giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị C. Do chị C ở xa, anh đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải và giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt chị C.

**** Tại Văn bản trình bày ý kiến và đề nghị của chị Nguyễn Thị Kim C có xác nhận của UBND phường H, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 12 năm 2020, chị C trình bày:***

Chị và anh Bùi Văn T tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn lúc này đã thực sự căng thẳng. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau, không còn yêu thương nhau, liên tục cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được bạn bè, gia đình hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh T xin ly hôn chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, do đó, chị đồng ý như theo đơn của anh T, chị thuận tình ly hôn. Việc ly hôn chị đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Chị và anh Bùi Văn T có một con chung là Bùi Chí H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2010, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn, để con ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập và theo nguyện vọng của con, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con H và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con H cùng chị. Hiện chị làm công nhân, thu nhập ổn định.

Chị và anh Bùi Văn T tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, anh chị không đi vay, không cho ai vay nợ chung, không có công sức, tài sản gì đóng góp, tu tạo vào khối tài sản của người khác, do đó, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

Để thuận tiện cho cả hai bên trong quá trình giải quyết vụ án, chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình là nơi thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn T. Do chị làm công nhân, xin nghỉ rất khó, mặt khác, chị lại đang ở xa, việc đi lại khó khăn nên chị không thể có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng được. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành phiên hòa giải, đề nghị được vắng mặt trong quá trình tố tụng tiếp theo và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Tại Văn bản đề ngày 10 tháng 12 năm 2020, cháu Bùi Chí H có người đại diện là chị Nguyễn Thị Kim C, trình bày:***

Bố đẻ cháu là Bùi Văn T. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị Kim C. Hiện cháu đang ở cùng mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ là Nguyễn Thị Kim C.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội: Xử cho anh T được ly hôn chị C. Giao con chung của anh T, chị C là cháu Bùi Chí H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2010 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị C không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, anh T, chị C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh Bùi Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C, chị C hiện đang tạm trú tại Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình tố tụng, anh T, chị C đều thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình là nơi giải quyết, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo đề nghị của anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Kim C, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Kim C đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T, chị C.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 30 tháng 3 năm 2010, là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc rồi mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng quan điểm sống và từ cuối năm 2018 đến nay anh chị mỗi người sống một nơi dẫn đến không còn tin tưởng vào tình cảm của nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra, anh chị đã được bạn bè, gia đình phân tích, hòa giải nhưng không có kết quả. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh T, chị C là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh chị thống nhất ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị C.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C có một con chung là Bùi Chí H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2010, hiện đang ở cùng chị C. Nay anh T, chị C ly hôn, để con H ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập, theo nguyện vọng của con H và đề nghị của anh T, chị C, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng con H; về cấp dưỡng cho con, xét đề nghị của chị C về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con H là tự nguyện, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản chung: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C thống nhất tự thỏa thuận phân chia, anh chị không đi vay và không cho ai vay nợ chung, anh chị không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T, Chị Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Chí H, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2010. Chị Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu anh Bùi Văn T phải cấp dưỡng cho con chung cùng chị.

2.2. Anh Bùi Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Kim C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại Biên lai số 0003956 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Văn T, chị Nguyễn Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 30 tháng 3 năm 2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương